

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phượng;

Ông Trần Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H (tên thường gọi: Q), sinh năm 1987. (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

-Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1985. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã Y, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Bà H và ông H1 có tìm hiểu nhau khoảng một năm thì tổ chức đám cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Sau đó, hai vợ chồng làm ăn sinh sống tại ấp X, xã Y, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến

năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H1 thường nhậu nhẹt không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Đến khoảng giữa năm 2017 thì ông H1 về nhà cha mẹ ruột ở ấp A, xã Y sinh sống và hai vợ chồng cũng ly thân từ thời gian đó đến nay.

Trong quá trình chung sống, bà H và ông H1 có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N (nữ), sinh ngày 01/01/2010, hiện bà H trực tiếp nuôi. Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không nợ ai. Do hiện tại tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà H xin ly hôn với ông H1, yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn H1 vắng mặt, không tham dự phiên tòa và không thể hiện ý kiến trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh của Tòa án tại gia đình, người thân của hai bên đương sự ghi nhận như sau:

Về thời gian tổ chức lễ cưới, quá trình chung sống và con chung như bà H trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng thì gia đình hai bên không nắm rõ. Về thời gian ly thân thì ông H1 và bà H ly thân đã lâu, hiện bà H đang nuôi con chung.

Cháu Nguyễn Thị Ngọc N trình bày ý kiến: Cháu đang học lớp 4 Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Y. Trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu N muốn được sống chung với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn ông H1 chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Bà H và ông H1 có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà H xin ly hôn vì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đã sống ly thân. Ông H1 không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm. Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc N đang sống với bà H, nguyện vọng của cháu cũng muốn được sống chung với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của bà H. Do bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 51, 56, 81, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Tấn H1 có nơi cư trú tại ấp A, xã Y, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng phía bị đơn ông Nguyễn Tấn H1 vẫn vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An vào năm 2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp, việc bà H xin ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà H cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng bà sống hạnh phúc từ năm 2008 đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông H1 không lo làm ăn mà thường xuyên nhậu nhẹt, sống không có trách nhiệm với gia đình. Bà và ông H1 không còn tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[2.3] Ông H1 không thể hiện ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của bà H mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, bỏ mặc kết quả giải quyết vụ án, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với bà H.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về nuôi con chung: Xét thấy con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc N đang sống chung với bà H và đang đi học, cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu cha mẹ ly hôn; ông H1 cũng không tranh chấp với bà H vấn đề nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Bà H không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết H.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với ông Nguyễn Tấn H1.

1.2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc N (nữ), sinh ngày 01/01/2010 cho bà Nguyễn Thị Tuyết H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; Do bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004702 ngày 16/01/2020 sang tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Y, huyện Vĩnh Hưng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Yến Linh